

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 15- 8 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Tạ Văn Nhật

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn ĐTh, xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn ĐTh, xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội; xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày thì: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội vào ngày 22 tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã và chị H thường bỏ về nhà mẹ đẻ để ở. Cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn cũng được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng dần xa cách và đã sống ly thân nhau. Anh Q thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, anh không muốn tiếp tục giữ mối quan hệ hôn nhân với chị H nên xin ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có ba người con chung là Nguyễn Minh D, sinh ngày 02/6/2003, Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/4/2008 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 24/7/2009. Cháu Nguyễn Minh D đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, đang

đi làm ăn xa để lao động nuôi bản thân. Cháu Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Quốc A đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, anh Q có mong muốn được nuôi một con và chị H nuôi một con, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con với nhau. Nếu chị H muốn nuôi cả hai con và các con đều muốn ở với mẹ thì anh cũng đồng ý và sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Trần Thị H trình bày thừa nhận thời gian kết hôn và chung sống phù hợp với lời khai của anh Q. Chị H thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc và đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q không chung thủy với chị và không có trách nhiệm với các con. Tuy sống chung luôn không hạnh phúc nhưng chị vẫn chấp nhận chịu đựng để các con có được gia đình trọn vẹn. Nhiều lần vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị bỏ về nhà mẹ đẻ để ở. Nhiều lần anh Q và chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng bố, mẹ anh Q khuyên nhủ bảo chị quay về nuôi con nên cả hai lại rút đơn. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng cũng không hạnh phúc. Hiện tại, anh Q đã sống ly thân với chị và đến sống cùng người phụ nữ khác. Chị biết tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nhưng vì chị theo đạo nên chị không đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Trần Thị H thừa nhận chị và anh Q có 03 (ba) con chung như anh Q đã trình bày. Con lớn của anh, chị là Nguyễn Minh D đã trưởng thành. Hai con nhỏ chưa thành niên và đang sống cùng chị nên chị đề nghị cho chị được nuôi cả hai con là Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Quốc A. Chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức của chị với gia đình anh Q: chị H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Các tài sản riêng chị mua sắm được khi vợ chồng ly thân chị đề nghị thuộc quyền sở hữu của chị sau khi Tòa án cho chị và anh Q ly hôn.

Tại phiên tòa: anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu của chị H được sở hữu các tài sản riêng, anh không rõ chị H có tài sản riêng gì. Các vật dụng trong gia đình hiện nay chị H đã mang theo về nhà mẹ đẻ chị H, anh nhất trí để chị H được sử dụng toàn bộ, không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Q, cho anh Q và chị H ly hôn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T và cháu Nguyễn Quốc A cho chị H nuôi, anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con cùng với chị H mỗi tháng 3.000.000 đồng. Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Q có đơn xin ly hôn với chị Trần Thị H và đề nghị giải quyết về quyền nuôi con chung khi ly hôn. Chị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án mở phiên tòa xét xử để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và đề nghị được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐP, Thành phố Hà Nội, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Gia đình bố, mẹ hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh Q xin ly hôn, tuy chị H không đồng ý ly hôn nhưng lý do chị đưa ra là vì chị theo đạo, không được phép ly hôn là không phù hợp. Bản thân chị H cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng thường mâu thuẫn, nhiều lần chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở và bản thân chị cũng đã từng gửi đơn đến Tòa án đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Q. Sau khi chị H rút đơn, anh chị cũng không hàn gắn được tình cảm mà ngay lập tức anh Q lại gửi đơn xin ly hôn và hiện tại anh, chị vẫn đang sống ly thân. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định cho anh Q và chị H ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H có 03 (ba) con chung là Nguyễn Minh D, sinh ngày 02/6/2003; Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/4/2008 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 24/7/2009. Cháu Nguyễn Minh D đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động. Cháu Hoàng Anh T và cháu Nguyễn Quốc A chưa thành niên, hiện đang sống cùng chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T, cháu A và đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng. Anh Q đồng ý. Đề nghị của chị H và anh Q phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu A. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Hoàng Anh T và cháu Nguyễn Quốc A cho chị H nuôi. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu A mỗi tháng 3.000.000 đồng (cấp dưỡng nuôi cháu T 1.500.000/tháng và cấp dưỡng nuôi cháu A 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu T và cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 8 năm 2023.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Anh Q và chị H đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q đối với chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H có 03 (ba) con chung là Nguyễn Minh D, sinh ngày 02/6/2003, Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 17/4/2008 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 24/7/2009.

Cháu Nguyễn Minh D đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ nuôi dưỡng của anh Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị H đối với cháu D.

Giao cháu Nguyễn Hoàng T và cháu Nguyễn Quốc A cho chị Trần Thị H nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng T mỗi tháng 1.500.000 đồng và cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc A mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu T và cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003234 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, Thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Văn Q còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐP, TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện ĐP, TP.Hà Nội;
- UBND xã ĐT, huyện ĐP, TP.Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

